



Tổng quan về THỊ TRƯỜNG XƠ VÀ SỢI TOÀN CẦU

Bài: **NGUYỄN TRỌNG NGHĨA**
(Tổng hợp)

Nhu cầu ở mức độ toàn cầu đối với thị trường sợi dệt được định giá 11,9 tỷ USD vào năm 2019, dự kiến sẽ đạt 16 tỷ USD vào năm 2026 với tốc độ tăng trưởng CAGR là 4,0% từ năm 2020 đến năm 2026. Ngành dệt đang chứng kiến nhu cầu lớn tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương do sự bùng nổ dân số. Việc thích nghi với các xu hướng mới trên toàn cầu và sự ra đời của các loại vải mới là một trong những yếu tố chính thúc đẩy nhu cầu đối với sợi dệt.

Các yếu tố tăng trưởng: Tốc độ phát triển đô thị hóa nhanh chóng và yêu cầu ngày càng cao của các ngành công nghiệp là những yếu tố chính dự đoán thúc đẩy tăng trưởng của thị trường. Sự thay đổi trong sở thích của người tiêu dùng đối với quần áo có

giá cả phải chăng và thoải mái làm tăng nhu cầu đối với các loại vải có giá trị cao như visco, lụa và sợi gai dầu. Các loại sợi hỗn hợp cũng đang có sự tăng trưởng mạnh mẽ trên thị trường do các tính năng vượt trội của cả sợi nhân tạo và sợi tự nhiên, do đó

mở ra cơ hội tăng trưởng mới trong những năm tới.

Phân khúc: Thị trường sợi dệt toàn cầu được phân loại theo các nguồn như hóa chất, động vật, thực vật và các nguồn khác. Dựa trên ứng dụng, thị trường được tách thành hàng dệt gia dụng, hàng may mặc và hàng dệt công nghiệp. Dựa trên loại nguyên liệu phụ nhân tạo, thị trường được chia thành các loại như viscose, polyester, acrylic và nylon. Phân khúc loại này được chia thành loại nhân tạo và loại tự nhiên. Hơn nữa, phân khúc tự nhiên được chia thành len, gai, bông, gai dầu, đay và tơ tằm.

Ở đây, chúng ta sẽ thảo luận về loại nhân tạo

từ 41% của hai thập kỷ trước xuống còn khoảng 26% hiện nay. Rõ ràng, xơ nhân tạo sẽ là nguồn sợi chính để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng.

Thị trường xơ xenlulo: Xơ xenlulo được định giá 26,04 tỷ USD vào năm 2019 và dự kiến đạt 49,49 tỷ USD vào năm 2026, với tốc độ CAGR (tỷ lệ tăng trưởng hàng năm kép) là 8,36% ở giai đoạn dự báo.

Bất chấp tình thế tiến thoái lưỡng nan do Covid-19, thị trường toàn cầu của xơ nhân tạo xenlulo, được dự đoán là 6,4 triệu tấn vào năm 2020, dự kiến sẽ mở rộng lên 8,6 triệu tấn vào năm 2027, với tốc độ CAGR là 4,3% trong suốt giai đoạn phân tích. Sau đánh giá ban đầu về sự gián đoạn kinh doanh ở trong đại dịch và hậu quả của khủng hoảng kinh tế, tăng trưởng của phân khúc vải được điều chỉnh thành CAGR 5,5% trong 7 năm tới.

Loại xơ	Nguồn gốc	Thuộc tính
Acrylic	Sản phẩm từ dầu mỏ	Nhẹ, ấm, nhanh khô
Sợi tổng hợp Kevlar	Aramids	Rất chắc khỏe (dùng trong áo giáp)
Sợi dệt Modacrylic	Sản phẩm từ dầu mỏ	Nhẹ, ấm, nhanh khô
Sợi Nomex	Aramids	Chống hóa chất, điện và lửa
Nilon	Sản phẩm từ dầu mỏ	Bền, chắc, nhẹ, khô nhanh chóng
Polyester	Sản phẩm từ dầu mỏ	Bền, chắc, nhẹ, khô nhanh chóng
Spandex	Sản phẩm từ dầu mỏ	Đàn hồi, chắc khỏe, nhẹ
Rayon (tơ nhân tạo)	Xenlulo tái sinh	Yếu khi bị ướt

Về thị trường xơ, mức tiêu thụ toàn cầu đã vượt 100 triệu tấn vào năm 2016 và con số này đang tăng lên với mức tiêu thụ năm 2019 là 108 triệu tấn. Phần lớn nhu cầu về xơ được đáp ứng bởi sợi tổng hợp (63%), đứng thứ hai là bông (25%). Theo báo cáo Lenzing năm 2020, nhu cầu sợi tổng hợp dự kiến sẽ tăng với tốc độ 3-4% hàng năm trong giai đoạn 2019-2024.

trong đó xơ nhân tạo chiếm 108 triệu tấn. Theo báo cáo Nguồn cung toàn cầu về sợi của Wood Mackenzie năm 2018, bông chỉ chiếm 26% lượng tiêu thụ sợi toàn cầu, trong đó Polyester chiếm 56%, Polypropylene 4,9%, Nylon 4,8%, Acrylic 1,6% và các loại sợi khác chiếm phần còn lại. Trong giai đoạn 2010-2020, tiêu thụ sợi trên toàn thế giới tăng với tốc độ khoảng 3,3% mỗi năm, trong đó các nước châu Á có tỷ lệ tiêu thụ cao hơn.

Ước tính đến năm 2030, tiêu thụ xơ toàn cầu sẽ đạt xấp xỉ 140 triệu tấn,

Thị phần của xơ tự nhiên đã giảm

Các loại xơ, sợi tổng hợp và ứng dụng

Các loại Polyme	Ứng dụng may mặc và trang trí nội thất gia đình	Ứng dụng công nghiệp
Xenlulo		
Xenlulo tái sinh	Thảm, thay thế cho bông để làm hàng may mặc	Vải không dệt dùng một lần, các loại sợi làm lớp, giấy
Xenlulo triacetat	Các bộ đồ áo choàng, áo khoác	Đầu lọc thuốc lá
Polyamide		
Polycaprolactam (xơ)	Hàng dệt kim, đồ lót, quần áo thể thao, đồ hành lý mềm, vải bọc	Không có ứng dụng quan trọng
Polyhexamethylene adipamide (xơ)	Hàng dệt kim, đồ lót, quần áo thể thao, đồ hành lý mềm, vải bọc	Không có ứng dụng quan trọng
Polycaprolactam (sợi công nghiệp)	Không có ứng dụng quan trọng	Lốp xe, dây thừng, dây an toàn, dây dù, dây câu cá và lưới, ống mềm
Polyhexamethylene adipamide (sợi công nghiệp)	Không có ứng dụng quan trọng	Lốp xe, dây thừng, dây an toàn, dây dù, dây câu cá và lưới, ống mềm
Aramid		
Poly-p-phenylene terephthalamide	Không có ứng dụng quan trọng	Đai lốp, áo chống đạn, đồ gia cố cho vỏ thuyền và bảng điều khiển máy bay
Poly-m-phenylene isoph-thalamide	Không có ứng dụng quan trọng	Túi lọc khí nóng, quần áo chống cháy

Các loại Polyme	Ứng dụng may mặc và trang trí nội thất gia đình	Ứng dụng công nghiệp
Polyester		
Polyetylen terephthalate	Quần áo ép vĩnh viễn, vật liệu cách nhiệt bằng sợi, thảm	Chỉ khâu, dây an toàn, sợi làm lớp, vải không dệt
Polyacrylonitrile		
Acrylic (> 85% acrylonitril)	Thay thế cho len, ví dụ: chất trong áo len, hàng dệt kim, chăn	Bộ lọc, bộ tách pin, chất thay thế cho amiăng trong xi măng
Modacrylic (35–85% acrylonitril)	Quần áo chống cháy, ví dụ: lông nhân tạo, quần áo ngủ cho trẻ em	Mái hiên, lều, bạt chống cháy
Polypropylene		
	Bọc ghế, thảm, thảm trải sàn	Dây thừng, lưới, vải không dệt dùng một lần
Polyethylene		
Thường xuyên	Không có ứng dụng quan trọng	Dây thừng, vải
Mô đun cao	Không có ứng dụng quan trọng	Gia cố cho vỏ thuyền, áo khoác chống đạn
Polyurethane		
	Vải co giãn - ví dụ: cho quần áo thể thao, đồ bơi	Không có ứng dụng quan trọng

Bảng: Chỉ số tiêu thụ xơ toàn cầu

	2000	2010	2015	2019	2020	2025	2030
Bông	20.0	25.0	23.8	26.4	25.2	27.9	30.8
Len	1.5	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.2
Xenlulo	2.3	3.6	5.4	6.5	6.2	7.6	9.2
Acrylic	2.6	1.9	1.8	1.6	1.6	1.6	1.6
Nylon	4.0	3.7	4.1	4.9	4.7	5.4	6.3
Polyester	19.3	37.1	47.8	57.2	54.7	63.4	73.5
Polypropylene	2.9	3.6	4.3	5.1	4.9	5.6	6.5

Đơn vị: triệu tấn

Tại Hoa Kỳ, thị trường sợi nhân tạo xenlulo đạt 1,9 triệu tấn vào năm 2020. Trung Quốc, nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, dự kiến sẽ đạt quy mô thị trường dự kiến là 1,5 triệu tấn vào năm 2027, đạt tốc độ CAGR 4,1% từ năm 2020 đến năm 2027. Nhật Bản và Canada là hai thị trường quan trọng hơn cả về mặt địa lý, với tốc độ tăng trưởng dự báo lần lượt là 3,9% và 3,6%, từ năm 2020 đến năm 2027. Đức dự kiến sẽ mở rộng với tốc độ CAGR là khoảng 4,2% ở châu Âu.

CÁC YẾU TỐ GIÚP NGÀNH DỆT MAY SỬ DỤNG SỢI NHÂN TẠO PHÁT TRIỂN

Tiêu thụ xơ được dự đoán sẽ tăng khi dân số toàn cầu tăng lên. Trong khi nhu cầu bông dự kiến sẽ tăng, nguồn cung bị hạn chế. Sợi nhân tạo sẽ nhanh chóng trở nên phổ biến như một vật liệu ưa thích. Khả năng cạnh tranh về chi phí của sợi nhân tạo (MMF) cũng góp phần làm tăng nhu cầu. Các mặt hàng dệt may dựa trên MMF đang trở nên phổ biến hơn khi hành vi tiêu dùng của mọi người đối với hàng dệt

may truyền thống thay đổi và khả năng chấp nhận sản phẩm sợi nhân tạo của người tiêu dùng tăng lên.

Khả năng tái chế vô hạn của MMF góp phần vào sức hấp dẫn tổng thể như là một xu hướng tiêu dùng toàn cầu và hướng tới tính bền vững và tính tuần hoàn. Cuối cùng, khả năng thích ứng của MMF trong các danh mục như quần áo thể thao, quần áo thư giãn, trang phục phụ nữ, hàng dệt gia dụng, ô tô, thảm và các lĩnh vực công nghiệp khác khiến nó trở thành “xơ sợi của tương lai”.

TÌNH HÌNH CHUNG VỀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRONG NƯỚC NĂM 2021

GIÁ TĂNG

DOANH NGHIỆP KHÓ

Theo số liệu từ Viện kinh tế xây dựng khảo sát vào Quý II/2021, giá vật liệu xây dựng (VLXD) tăng từ 10-20% so với cùng kỳ năm 2020. Các vật liệu cơ bản trong ngành xây dựng: thép, gạch, cát, xi măng... đều có những biến động tăng mạnh trong suốt năm 2021.

Bài: NGÔ CAO KỲ



Đặc biệt là giá thép, theo khảo sát, kiến nghị của Hiệp hội các Nhà thầu Việt Nam tới Văn phòng chính phủ, giá thép tròn đều đồng loạt tăng giá từ 30-40% so với giá thời điểm tháng 12/2020. Trong khi tỷ trọng thép trên giá trị vật liệu xây dựng của dự án từ 12-30% tùy từng công trình, cấp công trình (theo số liệu khảo sát của Cục Kinh tế xây dựng – Bộ Xây dựng). Việc biến động giá vật liệu, đặc biệt giá thép theo chiều hướng tăng ảnh hưởng lớn đến việc triển khai các dự án. Nhiều dự án phải thi công cầm chừng chờ hướng dẫn của Nhà nước liên quan đến biến động giá, thậm chí có những dự án phải dừng thi công.

ẢNH HƯỞNG BIẾN ĐỘNG GIÁ ĐẾN DỰ ÁN SỢI CỦA VINATEX

Thời điểm Quý 3/2021, đối với dự án 4 vạn cọc sợi, việc tăng giá VLXD giữa giá thực tế so với thông báo giá của Nhà nước lên tới trên 40% ảnh hưởng lớn tới hiệu quả và tiến độ triển khai dự án.

Bảng số 01: Số liệu khảo sát đối với một số dự án Nhà máy Sợi của Vinatex:

STT	Dự án	Tổng mức đầu tư	Thời điểm lập DA	Tỷ trọng VLXD/ Tổng mức ĐT	Tỷ trọng thép/Tổng mức ĐT	Tỷ trọng thép/Giá trị vật liệu	Tỷ lệ tăng giá VL so với Thông báo giá của Nhà nước (tính đến T8/2021)
1	Dự án 2 vạn cọc sợi - Hưng Yên	258 tỷ đồng	Năm 2017	9,27%	2,82%	30,42%	
2	Dự án 4 vạn cọc sợi - Nam Định	718 tỷ đồng	Tháng 8/2021	12,24%	3,7%	30,26%	45%